

Số: **15** /2024/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông báo số 2440-TB/TU ngày 01 tháng 12 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Xét Tờ trình số 287/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 126/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định:

a) Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố Hải Phòng gồm: Mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý một số loại tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án.

b) Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

c) Phân cấp thẩm quyền xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

2. Ngoài các quy định cụ thể tại Nghị quyết này, việc quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành và pháp luật khác có liên quan; việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

3. Quy định này không điều chỉnh đối với:

a) Việc mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án.

b) Việc mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ cơ sở hoạt động

sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

c) Việc mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

d) Việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên.

đ) Việc thanh lý tài sản công không phải là tài sản cố định.

e) Việc bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị sự nghiệp công lập.

g) Việc thanh lý tài sản (trừ nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập.”

2. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước gồm: Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và tương đương (sau đây gọi tắt là Cơ quan cấp thành phố); Chi cục và tổ chức tương đương thuộc Sở (sau đây gọi tắt là Chi cục thuộc Sở); Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi là Cơ quan nhà nước cấp huyện).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là đơn vị).

3. Văn phòng quận ủy, huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện (sau đây gọi tắt là Văn phòng huyện ủy).

4. Tổ chức gồm: tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.”

3. Sửa đổi Điều 3 như sau:

“Điều 3. Tài sản công thực hiện phân cấp

1. Trụ sở làm việc là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được

thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi tắt là trụ sở làm việc).

2. Cơ sở hoạt động sự nghiệp là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở hoạt động sự nghiệp).

3. Tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là công trình kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác sử dụng làm cơ sở, tiện ích, cấu trúc phục vụ trực tiếp cho việc lưu trữ, xử lý nước và thoát nước thải; lưu trữ, xử lý các loại chất thải rắn; chiếu sáng các khu vực công cộng; chôn cất, hỏa táng, cử hành tang lễ; duy trì cảnh quan đô thị (sau đây gọi tắt là tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật).

4. Tài sản là xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng, xe mô tô, tàu thuyền, xuồng (sau đây gọi chung là phương tiện vận chuyển).

5. Tài sản vật tiêu hao là nguyên nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc không giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu (sau đây gọi chung là vật tiêu hao).

6. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu.

7. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của pháp luật.

8. Tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (sau đây gọi chung là tài sản khác)”

4. Sửa đổi Điều 4 như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc phân cấp thẩm quyền

1. Việc phân cấp thẩm quyền nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cho từng cơ quan có liên quan. Cơ quan được phân cấp thẩm quyền quyết định phải chịu trách nhiệm toàn bộ về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Việc phân cấp thẩm quyền phải phù hợp với quy định của Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của thành phố.”

5. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động

1. Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất để thông qua trước khi quyết định mua sắm tài sản có giá dự toán mua sắm từ 100.000 triệu

đồng trở lên (không phân biệt loại tài sản).

b) Quyết định mua sắm đối với tài sản là: trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản khác có giá dự toán mua sắm trên 15.000 triệu đồng.

c) Quyết định mua sắm đối với tài sản khác có giá dự toán mua sắm đến 15.000 triệu đồng của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

2. Các cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm đến 15.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản khác của Văn phòng huyện ủy, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm đến 15.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm đến 1.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sửa đổi tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)."

6. Bổ sung Điều 5a sau Điều 5 như sau:

"Điều 5a. Phân cấp thẩm quyền mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động

1. Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động có giá dự toán mua sắm trên 1.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động có giá dự toán mua sắm đến 1.000 triệu đồng của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

2. Các cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm đến 1.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

Đối với việc mua sắm tài sản công là vật tiêu hao phục vụ hoạt động tại Sở

Y tế và các đơn vị trực thuộc: Sở Y tế quyết định mua sắm tài sản có giá dự toán mua sắm dưới 10.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản công là vật tiêu hao của Văn phòng huyện ủy, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm đến 1.000 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mua sắm tài sản công là vật tiêu hao thuộc phạm vi quản lý có giá dự toán mua sắm đến 500 triệu đồng trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ)."

7. Sửa đổi Điều 6 như sau:

"Điều 6. Phân cấp thẩm quyền thuê tài sản công phục vụ hoạt động

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thuê:

a) Tài sản có giá dự toán thuê trên 500 triệu đồng (giá trị quy đổi theo thời hạn thuê 01 năm) trừ tài sản quy định tại điểm b khoản này.

b) Tài sản phục vụ hoạt động của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

2. Cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê đến 500 triệu đồng (giá trị quy đổi theo thời hạn thuê là 01 năm) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ tài sản quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê đến 500 triệu đồng (giá trị quy đổi theo thời hạn thuê là 01 năm) của Văn phòng huyện ủy, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ tài sản quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê đối với tài sản có giá dự toán thuê đến 100 triệu đồng (giá trị quy đổi theo thời hạn thuê 01 năm) trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều

38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sửa đổi tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ).”

8. Sửa đổi Điều 7 như sau:

“Điều 7. Phân cấp thẩm quyền thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

c) Tài sản thuộc thẩm quyền thu hồi của cơ quan cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện nhưng không thực hiện thu hồi theo thẩm quyền.

2. Cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định thu hồi tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Văn phòng huyện ủy trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.”

9. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Phân cấp thẩm quyền điều chuyển tài sản

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

b) Tài sản của dự án thuộc cấp thành phố quản lý và tài sản của dự án thuộc cấp huyện quản lý đã kết thúc hoặc không còn nhu cầu sử dụng theo quy định của pháp luật.

c) Tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

2. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Các cơ quan nhà nước cấp thành phố; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung:

Các cơ quan nhà nước cấp thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô quyết định việc điều chuyển xe giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”

10. Sửa đổi Điều 9 như sau:

“Điều 9. Thẩm quyền bán tài sản công

1. Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp gần nhất để thông qua trước khi quyết định bán tài sản có giá trị nguyên giá từ 100.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên (không phân biệt loại tài sản).

b) Quyết định bán đối với tài sản là: trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Quyết định bán đối với tài sản khác của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định bán tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị tài sản nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4, 5 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Thẩm quyền bán tài sản hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.”

11. Sửa đổi Điều 10 như sau:

“Điều 10. Phân cấp thẩm quyền thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý đối với:

a) Nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

2. Cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Thẩm quyền thanh lý tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.”

12. Sửa đổi Điều 11 như sau:

“Điều 11. Phân cấp thẩm quyền tiêu hủy tài sản công

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tiêu hủy đối với:

a) Tài sản nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

2. Cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản



4 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.”

13. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Quyết định xử lý đối với tài sản nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển; tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên;

b) Quyết định xử lý đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các tổ chức, đơn vị cấp thành phố.

2. Cơ quan nhà nước cấp thành phố quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, Văn phòng huyện ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Chi cục thuộc Sở, Cơ quan nhà nước cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất, tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.”

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ cụm từ, điều của quy định ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố, cụ thể như sau:

1. Thay thế các cụm từ:



a) Cụm từ “phê duyệt phương án điều chuyển” thành “phê duyệt phương án giao, điều chuyển” tại khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 13;

b) Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân” thành “Ủy ban nhân dân” tại khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 13, khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 17, khoản 3 Điều 17, Điều 19.

c) Cụm từ “Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố” thành “Các cơ quan nhà nước cấp thành phố” tại khoản 2 Điều 16.

d) Cụm từ “Giám đốc Sở Tài chính” thành “Sở Tài chính” tại khoản 2 Điều 17.

2. Bãi bỏ Điều 14, Điều 15, Điều 18.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- ĐB HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP ĐDBQH và HĐND TP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập